

Số : 59/QĐ-MNHL.2

Hòa Liên, ngày 17 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế công khai Thông tư 36/2017/TT-BGD

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON SỐ 2 HÒA LIÊN

Căn cứ Quyết định 14/2008/ BGD- DT của Bộ giáo dục Đào tạo Về việc ban hành Điều lệ trường Mầm Non;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GD&ĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện Kế hoạch số 671/PGDDT-MN ngày 6 thnags 9 năm 2023 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2023-2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Hòa Vang

Căn cứ vào tình hình thực hiện nhiệm vụ của nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công khai Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT của trường Mầm non số 2 Hòa Liên

Điều 2: Hiệu trưởng trường mầm non số 2 Hòa Liên chủ trì chỉ đạo thực hiện với các đoàn thể trong nhà trường có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện quy chế ban hành kèm theo quy định này

Điều 3: Các bộ phận đoàn thể, CBGV - Nhân viên Trường Mầm non số 2 Hòa Liên có trách nhiệm thi hành quyết định này

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- Lưu VT, HT(Đệ).

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Dệ

Hòa Liên, ngày 17 tháng 9 năm 2023

QUY CHẾ CÔNG KHAI TT 36/2017/TT-BGD

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 159./QĐ-MNHL2 ngày 17 tháng 9 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường mầm non số 2 Hòa Liên)

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc thực hiện công khai của Trường Mầm non số 2 Hòa Liên, theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GD&ĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

2. Quy chế này áp dụng đối với cán bộ giáo viên nhân viên và người lao động của nhà trường

3. Thực hiện công khai để người học, phụ huynh, và các cơ sở giáo dục và xã hội tham gia giám sát và đánh giá chất lượng của nhà trường theo quy định của pháp luật

Điều 2. Mục tiêu thực hiện công khai

1. Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục và công khai về chất lượng giáo dục thực tế, về các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính theo quy định của pháp luật

2. Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện công khai

1. Việc thực hiện công khai của nhà trường được thực hiện đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này

2. Thông tin được công khai tại nhà trường theo Quy chế này được thực hiện đầy đủ các nội dung hình thức và thời điểm công khai. Thông tin công khai chính xác, kịp thời và dễ tiếp cận.

Chương II **NỘI DUNG THỰC HIỆN CÔNG KHAI**

Điều 4: Nội dung công khai

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục: Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ dự kiến đạt được; chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện; kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển; các hoạt động hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non (Theo Biểu mẫu 01).

b) Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục thực tế: số trẻ em/nhóm, lớp; số trẻ em học nhóm, lớp ghép; số trẻ em học hai buổi/ngày; số trẻ em khuyết tật học hòa nhập; số trẻ em được tổ chức ăn bán trú; số trẻ em được kiểm tra sức khỏe định kỳ; kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em; số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục, có sự phân chia theo các nhóm tuổi (Theo Biểu mẫu 02).

c) Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian.

d) Kiểm định cơ sở giáo dục mầm non: công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

a) Cơ sở vật chất: diện tích đất, sân chơi, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng, diện tích các loại phòng học và phòng chức năng, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định; số lượng đồ chơi ngoài trời, tính bình quân trên một nhóm hoặc lớp (Theo Biểu mẫu 03).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (Theo Biểu mẫu 04).

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng: hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính:

a) Tình hình tài chính của trường:

Công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và các văn bản hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

b) Học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo.

c) Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/lứa; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

d) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

đ) Kết quả kiểm toán (nếu có): thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại các văn bản quy định hiện hành về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

Điều 5. Hình thức và thời điểm công khai

1. Đối với các nội dung quy định tại Điều 4 của Quy chế này:
 - a) Công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường vào tháng 6 hằng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời trước khi khai giảng năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.
 - b) Niêm yết công khai tại nhà trường đảm bảo thuận tiện để xem xét. Thời điểm công khai là tháng 6 hằng năm và cập nhật đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.
2. Đối với nội dung quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 của Quy chế này, ngoài việc thực hiện công khai theo quy định tại điểm a và b khoản 1 của Điều này, cơ sở giáo dục và đào tạo còn phải thực hiện công khai như sau:
 - a) Phổ biến trong cuộc họp cha mẹ trẻ khi nhà trường tiếp nhận nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đối với trẻ em mới tiếp nhận hoặc trước khi tuyển sinh.
 - b) Phổ biến hoặc phát tài liệu cho cha mẹ trẻ trước khi tổ chức họp cha mẹ trẻ vào đầu năm học mới đối với trẻ em đang được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 6. Trách nhiệm của hiệu trưởng

1. Hiệu trưởng nhà trường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.
2. Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học sắp tới cho cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra trước 30 tháng 9 hằng năm.
3. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của trường.
4. Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:
 - a) Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường.
 - b) Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại cơ sở giáo dục đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ xem xét.
 - c) Đưa lên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục và đào tạo.

Điều 7. Trách nhiệm của Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai, các tổ chuyên môn và nhân viên trong nhà trường

- Ban chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ như đã được phân công trong Quyết định.
- Các tổ chuyên môn và toàn thể CB, GV, NV trong nhà trường có trách nhiệm thực hiện tốt Quy chế này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc thì đề nghị Ban chỉ đạo xem xét sửa đổi. Quy chế sửa đổi có hiệu lực thì hành khi có quyết định thay thế.

Qui chế này có hiệu lực kể từ ngày ký, những điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung phải được thông qua trong hội nghị cán bộ, công chức, viên chức trường Mầm non số 2 Hòa Liên ngay từ đầu năm học./.

Nơi nhận:

- Các đoàn thể;
- Các tổ chuyên môn;
- Trang Websied;
- Lưu: VT, HSQL



HIỆU TRƯỞNG

[Signature]
Lê Thị Đệ

UBND HUYỆN HÒA VANG
TRƯỜNG MẦM NON SỐ 2 HÒA LIÊN

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	Do điều kiện thiếu phòng học nên nhà trường không thu nhận trẻ độ tuổi nhà trẻ	- Cân nặng: + Cân nặng BT: 309/320- 96% + SDD vừa : 13/320- 4% + Thừa cân: 1/320 -- 0.3% - Chiều cao: + Chiều cao BT: 314/320 -98% SK loại A: 98% SK loại B: 2%
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	nt	- Nhà trường thực hiện chương trình theo TT28/2016/BGD về ban hành chương trình GDMN
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	nt	
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	nt	- Nhà trường đã vận dụng các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ vào thực tế như : -Về chủ trương đầu tư CSVC- trường lớp: XD quỹ đất- kêu gọi XHH- tham mưu chính sách hỗ trợ cho GVMN -Chế độ giáo viên dạy trẻ khuyết tật.

Hòa Liên, ngày 05 tháng 12 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Lê Thị Đệ

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế
Năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	320			23	78	114	105
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	320			23	78	114	105
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	06				01	03	02
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	320			23	78	114	105
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	320			23	78	114	105
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	320			23	78	114	105
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	320			23	78	114	105
1	Số trẻ cân nặng bình thường	307			21	77	110	99
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	13			2	4	2	5
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	314			22	79	111	102
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	9			1	3	2	3
5	Số trẻ thừa cân béo phì	0						
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	320			23	78	114	105

1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	23			23			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	297				78	114	105

Hòa Liên, ngày 05 tháng 12 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Lê Thị Đệ

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	12	3,3m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	12	3,3m ² /trẻ em
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	02	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	6.796 m ²	25,5m ² /trẻ em
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	6.103 m ²	22,9 m ² /trẻ em
VI	Tổng diện tích một số loại phòng	1.654 m ²	
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	887m ²	3,3m ² /trẻ em
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	350 m ²	1,3m ² /trẻ em
4	Diện tích sân chơi (m ²)	417 m ²	4,5m ² /trẻ em
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	148 m ²	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	72,5 m ²	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	110m ²	0,41m ² /trẻ em
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	5	
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	5	5 bộ /11 nhóm
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	5	5 bộ /11 nhóm
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	3	
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi	8	

	tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)		
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		
1	Ti vi	15	1/1
2	Máy chiếu Projector	2	
3	Màn chiếu	1	
4	Máy in	5	
5	Máy tính xách tay	2	
6	Camera	18 mắt	1/1 lớp (2 KV)

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02	12	12		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

Hòa Liên, ngày 05 tháng 12 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Lê Thị Dệ

Biểu mẫu 04

UBND HUYỆN HÒA VANG
TRƯỜNG MN SỐ 2 HÒA LIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	Th S	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	37			29	1		7			2				
I	Giáo viên	24			23	1				24	0				
1	Nhà trẻ	4			4					4					
2	Mẫu giáo	20			18	1				20					
II	Cán bộ quản lý	3			3					1	2				
1	Hiệu trưởng	1			1						1				
2	Phó hiệu trưởng	2			2					1	1				
III	Nhân viên	9			2			7							
1	Nhân viên văn thư	1			1										
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên khác	7						7							

Hòa Liên, ngày 05 tháng 12 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Lê Thị Độ
Lê Thị Độ

